PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán

Phụ lục XI
MẪU ĐIỀU LỆ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Tiếp theo Công báo số 229 + 230)

Chương III
QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Mục 1
QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN

Điều 21. Bộ máy quản trị điều hành của Công ty

1. Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị.

3. Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc).

4. Ban Kiểm soát (nếu có).

(Lưu ý: Trường hợp công ty lựa chọn mô hình không có Ban Kiểm soát theo Điều 134 Luật Doanh nghiệp, công ty phải bổ sung các quy định liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm toán nội bộ.)

I. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 22. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

c. Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn...% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

f. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

g. Quyết định mua lại trên...% tổng số cổ phần... (loại cổ phần) đã bán (Lưu ý: đối với cổ phần phổ thông Công ty chỉ được mua lại không quá 10%);

h. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

i. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;

j. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k. .... (Quyền và nghĩa vụ khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật).

Điều 23. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Số lượng, thời gian, địa điểm họp

a. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp;

b. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Công ty có thể đề nghị UBCK gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

a. Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

- Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản... Điều.... Điều lệ này;

- Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

- ... (Các trường hợp khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành).

b. Thời hạn triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường là.... ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông như quy định tại điểm a khoản này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại điểm b khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

d. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm c khoản này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản... Điều... Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 24. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Báo cáo tài chính hàng năm;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc);

e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

f. Tổng mức thù lao trả cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

g. ... (Các vấn đề khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật).

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản... Điều... của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và gửi đến Công ty chậm nhất là... ngày làm việc trước ngày

khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối đề xuất này nếu:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; hoặc

b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; hoặc

c. .... (Trường hợp khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật).

Điều 25. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất....% tổng số phiếu biểu quyết (Lưu ý: Tỷ lệ cụ thể do Công ty quy định phù hợp với Luật Doanh nghiệp).

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn.... ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất....% tổng số phiếu biểu quyết (Lưu ý: Tỷ lệ cụ thể do Công ty quy định phù hợp với Luật Doanh nghiệp).

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn.... ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 26. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông:.....

2. Bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu:....

3. Thông qua chương trình và nội dung họp:.....

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

6. Công bố kết quả kiểm phiếu:....

7. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký xong. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau:....

9. Các trường hợp chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm hoặc thay đổi địa điểm họp:.....

10. Bầu thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp trong trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 9 Điều này:....

Điều 27. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. (Điều khoản khuyến nghị) Công ty có thể sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong việc biểu quyết, bao gồm biểu quyết vắng mặt thông qua hệ thống điện tử được bảo mật, biểu quyết qua internet hoặc qua điện thoại để tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Các trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:.....

4. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất.... tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (Lưu ý: Tỷ lệ cụ thể do Công ty quy định phù hợp với Luật Doanh nghiệp):

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn....% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty;

e. Tổ chức lại, giải thể công ty;

f. ... (Các vấn đề khác do công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành).

5. Các nghị quyết về nội dung khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất...% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (Lưu ý: Tỷ lệ cụ thể do Công ty quy định phù hợp với Luật Doanh nghiệp).

6. Phương thức biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:.....

7. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất....% tổng số phiếu biểu quyết tán thành (Lưu ý: Tỷ lệ cụ thể do Công ty quy định phù hợp với Luật Doanh nghiệp). Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo thể thức sau:.....

8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 28. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bởi 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông như quy định tại Điều 147 của Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 29. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác với các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa các biên bản thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e. Quyết định mua lại từ...% tổng số cổ phần.... đã bán (Lưu ý: phù hợp với quy định tại điểm g khoản 2 Điều 22 của Điều lệ mẫu); quyết định phương án bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn....% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

i. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý công ty sau:....; quyết định mức lương và quyền lợi khác của người quản lý nêu trên; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

m. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

p. Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người quản lý công ty và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc); xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) và người quản lý công ty;

q. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;

r. Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;

s. (Điều khoản khuyến nghị) Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Giám đốc (Tổng Giám đốc) và Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) đệ trình (nếu có);

t. (Điều khoản khuyến nghị) Hội đồng quản trị có quyền phủ quyết quyết định của Giám đốc (Tổng Giám đốc) và Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) trong việc tiến hành bất kỳ một hoạt động quy chuẩn nào, với điều kiện phủ quyết đó có cơ sở;

u. (Điều khoản khuyến nghị) Hội đồng quản trị phải lập tức thông báo cho cổ đông trong những trường hợp sau đây:

- Công ty hoặc Ban lãnh đạo của Công ty bị nghi ngờ có liên quan đến các hoạt động phi pháp;

- Tình trạng tài chính của Công ty liên tục suy giảm và không đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật;

- Công ty kinh doanh bị thua lỗ từ...% trên vốn chủ sở hữu;

- Công ty đề xuất thay đổi Chủ tịch hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát;

- Xảy ra các trường hợp khẩn cấp làm ảnh hưởng xấu đến lợi ích của Công ty và khách hàng.

v. .... (Các quyền và nghĩa vụ khác do công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành).

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc theo hình thức..... Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị trong thời gian Hội đồng quản trị không tổ chức cuộc họp. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể. Đối với những vấn đề trọng yếu, liên quan đến lợi ích sống còn của Công ty thì không được ủy quyền cho Chủ tịch hội đồng quản trị quyết định.

5. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

6. Trường hợp các nghị quyết đã được Hội đồng quản trị thông qua nhưng trái với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty thì cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

7. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Quyền của thành viên Hội đồng quản trị:

- Quyền được cung cấp thông tin:

+ Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) và người quản lý công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;

+ Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị;

+ Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin:.... (do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành);

- Quyền được nhận thù lao và lợi ích khác:

+ Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh;

+ Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định sau đây:....;

-.... (Quyền khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành).

b. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:

- Thực hiện trách nhiệm của người quản lý công ty theo đúng quy định của pháp luật;

- Công khai hóa các lợi ích và người có liên quan theo quy định sau:...;

- Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 31. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng và thành phần thành viên Hội đồng quản trị

a. Hội đồng quản trị của Công ty có... thành viên (Lưu ý: Số lượng cụ thể do Công ty quy định phù hợp với Luật Doanh nghiệp và văn bản pháp luật hướng dẫn về quản trị Công ty). Trong đó, số lượng của thành viên Hội đồng quản trị độc lập là... thành viên;

b. Số thành viên Hội đồng quản trị thường trú ở Việt Nam phải có tối thiểu... thành viên.

(Lưu ý: Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán; giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, độ tuổi, giới tính....)

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

a. Thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ... năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ.... (số lượng, thời hạn cụ thể do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành);

b. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ mà Đại hội đồng cổ đông chưa bầu được thành viên mới:.....

c. Nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị mất tư cách thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ:.....

Điều 32. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo cơ chế sau:.... (Lưu ý: Phải phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp).

2. Cơ chế đề cử hoặc cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm, Ban Kiểm soát, cổ đông khác đề cử người vào Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. (Điều khoản khuyến nghị) Thông tin về những người được đề cử vào Hội đồng quản trị phải được công bố trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông, gồm có: danh tính của ứng viên; danh tính của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó; độ tuổi và trình độ học vấn của ứng viên; kinh nghiệm và trình độ chuyên môn của ứng viên; những vị trí công tác mà ứng viên đảm nhiệm trong vòng năm (05) năm qua; những vị trí công tác mà ứng viên đang đảm nhiệm; báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp ứng viên đó được tái bổ nhiệm; bản chất mối quan hệ của ứng viên với Công ty; các vị trí trong Hội đồng quản trị hoặc các vị trí chủ chốt khác mà ứng viên nắm giữ, được đề cử tại các công ty khác; quan hệ của ứng viên với người có liên quan trong Công ty; quan hệ của ứng viên với đối tác kinh doanh chính của Công ty; những thông tin liên quan đến tình hình tài chính của ứng viên và những vấn đề khác có thể ảnh hưởng tới nhiệm vụ, tính độc lập của ứng viên với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị; việc ứng viên từ chối cung cấp thông tin theo yêu cầu của Công ty (nếu có).

4. (Điều khoản khuyến nghị) Không đề cử vào Hội đồng quản trị nhân viên của một đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán cho Công ty trong vòng... năm qua.

5. Những ứng viên vào Hội đồng quản trị phải thỏa mãn các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 6 Điều này.

6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng;

c. Không phải là Giám đốc (Tổng Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác (đối với công ty niêm yết);

d. Không từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng;

e. Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh em rể, chị em dâu của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác của Công ty; không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ (Đối với công ty chứng khoán mà Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ);

f. (Điều khoản khuyến nghị) Các thành viên Hội đồng quản trị cần có những phẩm chất và năng lực sau đây:

- Nhận được sự tin tưởng của các cổ đông (phản ánh qua việc các cổ đông biểu quyết ủng hộ), các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, người quản lý và nhân viên của Công ty;

- Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;

- Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để điều hành hoạt động Công ty một cách hiệu quả;

- Có kinh nghiệm kinh doanh quốc tế, am hiểu các vấn đề địa phương, hiểu biết về thị trường, sản phẩm và đối thủ cạnh tranh;

- Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn.

g. .... (Điều kiện và tiêu chuẩn khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành).

7. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời được áp dụng cho những thành viên Hội đồng quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.

Điều 33. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

1. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại các văn bản pháp luật quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị khi không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện nêu trên. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

3. (Điều khoản khuyến nghị) Nhiệm kỳ của thành viên độc lập Hội đồng quản trị giống với nhiệm kỳ của các thành viên khác nhưng không được bổ nhiệm lại trong nhiệm kỳ tiếp theo.

4. (Điều khoản khuyến nghị) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn giống thành viên Hội đồng quản trị khác, ngoài ra còn có các quyền hạn sau:

a. Đề xuất với Hội đồng quản trị tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đề xuất với Ban Kiểm soát tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị phản đối đề nghị này;

b. Thuê tổ chức tư vấn hoặc kiểm toán để thực hiện nhiệm vụ của mình;

c. Đưa ra ý kiến độc lập về các vấn đề liên quan đến kế hoạch khen thưởng, trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và người quản lý công ty;

d. Đưa ra các ý kiến độc lập về các giao dịch lớn có liên quan và báo cáo cơ quan quản lý khi xét thấy cần thiết.

5. Cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập Hội đồng quản trị:....

Điều 34. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu ra trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức Giám đốc (Tổng Giám đốc), trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm chức Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành phải được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm tại cuộc họp thường niên (Lưu ý: Điều khoản này không áp dụng đối với công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết).

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị;

e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;

f. Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của Hội đồng quản trị;

g. Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của Hội đồng quản trị;

h. Thường xuyên gặp gỡ Giám đốc (Tổng Giám đốc) và đóng vai trò là người liên lạc giữa Hội đồng quản trị với Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc);

i. Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị;

j. Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;

k. Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của Hội đồng quản trị, các bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

l. Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị;

m. Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế;

n. .... (Quyền và nhiệm vụ khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật).

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có) hoặc một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một (01) người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 35. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý tối thiểu phải họp một (01) lần.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a. Nhận được đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập;

b. Nhận được đề nghị của Giám đốc (Tổng Giám đốc) hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c. Nhận được đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;

d. ... (Trường hợp khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty);

Đề nghị họp phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất... ngày làm việc trước ngày họp cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc). Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Cách thức gửi thông báo thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

6. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn... ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 điều này.

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

9. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được... số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

11. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được lập biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tại trụ sở Công ty. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có đầy đủ nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

a. Thành viên Hội đồng quản trị không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều... của Điều lệ này;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn xin từ chức;

d. ... (Các trường hợp khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành).

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:

a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ công ty. Trong trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều... Điều lệ này.

4. Các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 37. Ban Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị (bắt buộc đối với công ty đại chúng hoặc công ty được cấp phép thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán)

1. Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Ban Kiểm toán nội bộ như sau:

a. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

b. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) nhằm hoàn thiện hệ thống này;

c. Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;

d. Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;

e. Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;

f. Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và quá trình kinh doanh;

g. Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;

h. Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;

i. Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;

j. Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;

k. Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;

l. Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con;

m. .... (Chức năng khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành).

2. Chức năng và nguyên tắc hoạt động của Bộ phận Quản trị rủi ro:

a. Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận trong Công ty;

b. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;

c. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) nhằm hoàn thiện hệ thống này;

d. .... (Chức năng khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành).

3. Yêu cầu về nhân sự của Ban Kiểm toán nội bộ:

a. Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng năm (05) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;

b. Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Giám đốc chi nhánh trong Công ty;

d. Có Chứng chỉ những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán;

e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

III. BAN GIÁM ĐỐC (BAN TỔNG GIÁM ĐỐC)

Điều 38. Thành phần, nhiệm kỳ của thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc); quyền và nghĩa vụ của Giám đốc (Tổng Giám đốc) và thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc)

1. Thành phần Ban Giám đốc (Ban Tổng giám đốc) của Công ty gồm có: Giám đốc (Tổng Giám đốc), các Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và... (các chức danh quản lý quan trọng khác do Công ty quy định).

2. Thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) do Hội đồng quản trị thuê hoặc bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng Giám đốc) không quá năm (05) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách. Các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm mục tiêu theo quy định của pháp luật.

4. Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) phải xây dựng các quy định làm việc để Hội đồng quản trị thông qua, quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:

a. Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc);

b. Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;

c. Trách nhiệm báo cáo của Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

5. Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc (Tổng Giám đốc)

Giám đốc (Tổng Giám đốc) là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao, cụ thể như sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc (Tổng Giám đốc);

i. (Điều khoản khuyến nghị) Giám đốc (Tổng Giám đốc) không tham gia vào bất cứ hoạt động kinh doanh nào ngoài những việc liên quan tới vai trò quản lý, điều hành Công ty và việc quản trị các công ty con của Công ty;

j. .... (Quyền và nghĩa vụ khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật).

6. Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

7. Quyền lợi và trách nhiệm của các thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc):

a. Quyền lợi của thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc):

- Thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) được quyền nhận tiền lương theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) được trả theo quy định sau:....

- Tiền lương của thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

b. Trách nhiệm của thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc):

- Thực hiện trách nhiệm của người quản lý công ty theo đúng quy định của pháp luật;

- Công khai hóa các lợi ích và người có liên quan theo quy định sau:... (Do công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành);

- Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc (Tổng Giám đốc)

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc..... (Do công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành).

3. Không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên cho công ty chứng khoán khác; không đồng thời làm việc cho doanh nghiệp khác.

4. Đáp ứng các điều kiện quy định đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc) công ty chứng khoán theo quy định tại các văn bản pháp luật hướng dẫn về tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán.

5. Giám đốc (Tổng Giám đốc) không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty mẹ và người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty (Đối với công ty con của công ty có phần vốn góp, cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ).

6. .... (Tiêu chuẩn và điều kiện khác do công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành).

Điều 40. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc (Tổng Giám đốc)

Giám đốc (Tổng Giám đốc) bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc (Tổng Giám đốc) theo quy định tại Điều... của Điều lệ này.

2. Có đơn xin từ chức.

3. Theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. ... (Các trường hợp khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật).

Điều 41. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Giám đốc (Ban Tổng giám đốc)

1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:

a. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty;

b. Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;

c. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;

d. Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;

e. Tách biệt tài sản của khách hàng;

f. Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;

g. Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;

h. Nội dung khác theo nhiệm vụ Giám đốc (Tổng Giám đốc) giao.

2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:

a. Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

b. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Giám đốc chi nhánh trong Công ty;

c. Có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán; chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

d. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty;

e. .... (Yêu cầu khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật).

3. Nhiệm vụ của hệ thống thực thi quản trị rủi ro:

a. Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty;

b. Xác định rủi ro của Công ty;

c. Đo lường rủi ro;

d. Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro.

IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 42. Số lượng, nhiệm kỳ và thành phần của thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát của Công ty có... thành viên (Số lượng cụ thể do công ty quy định phù hợp với pháp luật).

2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là... năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

3. Thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn theo nguyên tắc.... (Lưu ý: nguyên tắc bầu ban kiểm soát phải phù hợp với các quy định tại Luật Doanh nghiệp). Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.

4. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty (Lưu ý: Hoặc tiêu chuẩn do công ty phải quy định tiêu chuẩn khác cao hơn tiêu chuẩn trên). Quyền và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát như sau:..... (Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành).

Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Thẩm quyền của Ban Kiểm soát:

a. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) trong việc quản lý và điều hành Công ty;

b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;

e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều... của Điều lệ này;

f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều... của Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng giám đốc) vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm đồng thời có giải pháp khắc phục hậu quả;

i. Trường hợp phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng giám đốc) vi phạm pháp luật, Điều lệ công ty dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc khách hàng thì Ban Kiểm soát có trách nhiệm yêu cầu người có hành vi vi phạm giải trình trong thời hạn nhất định hoặc đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật, Ban Kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản cho UBCK trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm;

j. Xây dựng quy trình kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông thông qua;

k. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

l. ... (Nhiệm vụ khác do công ty quy định phù hợp với pháp luật).

2. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Quyền của Ban Kiểm soát:

- Sử dụng tư vấn độc lập, Ban kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;

- Có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

- Được cung cấp thông tin đầy đủ:

+ Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

+ Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị;

+ Báo cáo của Giám đốc (Tổng Giám đốc) trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

+ Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

+ Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát.

- Được nhận tiền lương hoặc thù lao và hưởng các quyền lợi khác như sau:..... (Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành).

b. Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát:

- Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

- Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản của Công ty, địa vị, chức vụ của mình để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác;

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Trường hợp Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả Công ty.

4. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong khi thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu Kiểm soát viên có hành vi vi phạm phải chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 44. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải ban hành các quy định về cách thức hoạt động và trình tự, thủ tục, cách thức tổ chức cuộc họp của Ban Kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Mỗi năm Ban Kiểm soát phải tổ chức họp tối thiểu... lần.

3. Cuộc họp của Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ... tổng số thành viên tham dự.

Điều 45. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty.

3. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác.

4. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác.

5. (Điều khoản khuyến nghị) Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán; có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng.

6. (Trường hợp công ty niêm yết do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ) Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

7. ... (Điều kiện và tiêu chuẩn khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật).

Điều 46. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều... Điều lệ này;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. ... (Các trường hợp khác do công ty quy định phù hợp với pháp luật).

2. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Mục 2
QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN (TNHH)

Điều 47. Bộ máy quản trị điều hành của công ty

1. Hội đồng thành viên.

2. Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc).

3. Ban Kiểm soát.

I. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Điều 48. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên

1. Đối với công ty TNHH chứng khoán hai thành viên trở lên:

a. Hội đồng thành viên gồm tất cả thành viên Công ty, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Thành viên là tổ chức chỉ định người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên.

b. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên:

- Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

- Quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ, quyết định thời điểm và phương thức huy động thêm vốn;

- Quyết định dự án đầu tư phát triển của Công ty;

- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ; thông qua hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn...% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của Công ty;

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng và những người quản lý sau:....;

- Quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng và người quản lý khác quy định tại Điều lệ này;

- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của Công ty;

- Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

- Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch;

- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

- Quyết định tổ chức lại Công ty;

- Quyết định giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

- Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người quản lý công ty và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng thành viên với Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc (Ban Tổng giám đốc); xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc (Ban Tổng giám đốc) và người quản lý công ty;

- Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;

- Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các thành viên và Công ty. Hội đồng thành viên có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;

- (Điều khoản khuyến nghị) Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Giám đốc (Tổng Giám đốc) và Ban Giám đốc (Ban Tổng giám đốc) đệ trình (nếu có);

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật liên quan.

2. Đối với công ty TNHH chứng khoán một thành viên:

a. Hội đồng thành viên gồm... thành viên do Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm với nhiệm kỳ... năm. Hội đồng thành viên nhân danh Chủ sở hữu công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty; nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Giám đốc (Tổng Giám đốc); chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp và của pháp luật có liên quan;

b. Hội đồng thành viên nhân danh Chủ sở hữu công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu công ty, trừ các trường hợp pháp luật và Điều lệ công ty quy định phải được Chủ sở hữu công ty chấp thuận; nhân danh Công ty thực hiện các quyền của Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật;

c. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên:

- Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên; xây dựng quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng thành viên với Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc (Ban Tổng giám đốc); xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với Ban Giám đốc (Ban Tổng giám đốc) và các cán bộ quản lý khác để Chủ sở hữu thông qua;

- Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;

- Xây dựng quy trình nội bộ về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên;

- ... (Các quyền và nghĩa vụ do Chủ sở hữu công ty quy định - có thể tham khảo các quy định đối với hội đồng thành viên của mô hình công ty TNHH hai thành viên trở lên).

Điều 49. Cuộc họp Hội đồng thành viên

1. Số lượng, thời gian, cách thức tổ chức, địa điểm họp

a. Hội đồng thành viên tổ chức họp ít nhất.... lần trong một năm;

b. Cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được tổ chức tại trụ sở chính của Công ty hoặc.... (Do công ty quy định).

2. Triệu tập họp Hội đồng thành viên

a. Hội đồng thành viên được triệu tập họp theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc của thành viên, nhóm thành viên quy định tại Điều... của Điều lệ này. Chủ tịch Hội đồng thành viên chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu và triệu tập họp Hội đồng thành viên. Thành viên có quyền kiến nghị bổ sung nội dung chương trình họp bằng văn bản. Kiến nghị phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chủ tịch Hội đồng thành viên phải chấp thuận kiến nghị và bổ sung chương trình họp Hội đồng thành viên nếu kiến nghị có đủ nội dung theo quy định và được gửi đến trụ sở chính của Công ty chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng thành viên. Trường hợp kiến nghị được đệ trình ngay trước khi họp thì kiến nghị được chấp thuận nếu đa số các thành viên dự họp tán thành.

Thông báo mời họp Hội đồng thành viên có thể bằng giấy mời, điện thoại, fax, telex hoặc các phương tiện điện tử khác.... (Do công ty quy định) và được gửi trực tiếp đến từng thành viên Hội đồng thành viên. Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp.

Chương trình và tài liệu họp phải được gửi cho thành viên Công ty trước khi họp. Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, thông qua phương hướng phát triển công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, tổ chức lại hoặc giải thể công ty phải được gửi đến các thành viên chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày họp. Thời hạn gửi các tài liệu khác là.... ngày trước ngày họp.

b. Trường hợp thành viên, nhóm thành viên theo quy định tại Điều... của Điều lệ này yêu cầu họp Hội đồng thành viên, yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên phải bằng văn bản hoặc.... (Do công ty quy định) và có đầy đủ các nội dung chủ yếu sau đây:.....

Chủ tịch Hội đồng thành viên phải triệu tập họp trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu đảm bảo quy định. Nếu yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên không có đủ nội dung theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng thành viên phải thông báo bằng văn bản cho thành viên, nhóm thành viên có liên quan biết trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo quy định thì phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về thiệt hại xảy ra đối với Công ty và các thành viên có liên quan. Trường hợp này, thành viên hoặc nhóm thành viên đã yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên có quyền triệu tập họp Hội đồng thành viên và được Công ty hoàn lại chi phí hợp lý cho việc triệu tập họp này.

Điều 50. Điều kiện họp và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên

1. Điều kiện tiến hành họp Hội đồng thành viên:

a. Cuộc họp Hội đồng thành viên được tiến hành khi có số thành viên dự họp đại diện ít nhất...% vốn điều lệ (Đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên) hoặc ít nhất 2/3 tổng số thành viên dự họp và mỗi thành viên số phiếu biểu quyết đối với các thành viên như sau:.... (Đối với công ty TNHH một thành viên).

b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành thì triệu tập họp lần tiếp theo được quy định như sau (đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên):....

2. Thể thức tiến hành cuộc họp Hội đồng thành viên, hình thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên:... (Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành).

Điều 51. Thông qua quyết định của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc dưới hình thức sau:.... (Do công ty quy định).

2. Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên:.... (Do công ty quy định).

3. Quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua trong các trường hợp sau:.... (Do công ty quy định).

4. Thành viên được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

5. Nghị quyết của Hội đồng thành viên được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi được số thành viên sở hữu ít nhất.... tán thành. Thủ tục thông qua nghị quyết của Hội đồng thành viên theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản như sau:.... (Do công ty quy định).

6. Nghị quyết của Hội đồng thành viên có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết.

Điều 52. Biên bản họp Hội đồng thành viên

1. Các cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác.

2. Biên bản họp Hội đồng thành viên phải làm xong và thông qua ngay trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Người ghi biên bản và chủ tọa cuộc họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng thành viên.

Điều 53. Chủ tịch Hội đồng thành viên

1. Đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên: Chủ tịch Hội đồng thành viên do Hội đồng thành viên bầu ra trong số các thành viên.

2. Đối với công ty TNHH chứng khoán một thành viên: Chủ tịch hội đồng thành viên do Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm hoặc do các thành viên Hội đồng thành viên bầu theo nguyên tắc quá bán theo trình tự, thủ tục như sau:..... (Do công ty quy định).

3. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể kiêm Giám đốc (Tổng Giám đốc) Công ty.

4. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng thành viên là:... năm. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên:

a. Chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc để lấy ý kiến các thành viên;

c. Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên;

d. Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên;

e. Thay mặt Hội đồng thành viên ký các quyết định của Hội đồng thành viên;

f. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

(Lưu ý: Đối với công ty TNHH một thành viên: quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên do Chủ sở hữu quy định, có thể khác với các quy định nêu trên).

6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên vắng mặt hoặc không đủ năng lực để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình thì Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo quy tắc quy định tại khoản 7 Điều này. Trường hợp không có thành viên được ủy quyền thì một trong số các thành viên Hội đồng thành viên triệu tập họp các thành viên còn lại bầu một (01) người trong số các thành viên tạm thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc đa số.

7. Quy tắc Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền cho thành viên Hội đồng thành viên thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình:.....

8. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải thực hiện trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo quy định tại Điều 71 Luật Doanh nghiệp.

Điều 54. Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng thành viên

(Quy định tương tự các quy định tại Điều 37 của Điều lệ mẫu).

II. BAN GIÁM ĐỐC (BAN TỔNG GIÁM ĐỐC)

Điều 55. Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc)

1. Thành phần Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) gồm có: Giám đốc (Tổng Giám đốc), các Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và... (các chức danh quản lý quan trọng khác do Công ty quy định).

2. Thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) do Hội đồng thành viên bổ nhiệm hoặc thuê với nhiệm kỳ... năm, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách. Các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm mục tiêu theo quy định của pháp luật.

4. Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) phải xây dựng các quy định làm việc để Hội đồng thành viên thông qua, quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:

a. Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc);

b. Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;

c. Trách nhiệm báo cáo của Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) đối với Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát.

5. Giám đốc (Tổng Giám đốc) là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng thành viên, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc (Tổng giám đốc) có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng thành viên;

b. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Ban hành quy chế quản lý nội bộ công ty (trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác);

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;

f. Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên;

g. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Công ty;

h. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng thành viên;

i. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

j. Tuyển dụng lao động;

k. Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại hợp đồng lao động ký với Công ty theo quyết định của Hội đồng thành viên.

l. .... (Quyền và nghĩa vụ khác).

6. Quyền lợi và trách nhiệm của thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng giám đốc) trong quá trình thực thi nhiệm vụ:... (Quy định tương tự khoản 7 Điều 38 của Điều lệ mẫu).

Điều 56. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc (Tổng Giám đốc)

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc..... (Do công ty quy định).

3. Không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên cho công ty chứng khoán khác; không đồng thời làm việc cho doanh nghiệp khác.

4. Đáp ứng các điều kiện quy định đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc) công ty chứng khoán theo quy định tại các văn bản pháp luật hướng dẫn về tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán.

5. Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty mẹ và người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty (Đối với trường hợp công ty chứng khoán là công ty con của công ty có phần vốn góp, cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ).

Điều 57. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc (Tổng Giám đốc)

Giám đốc (Tổng Giám đốc) bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc (Tổng Giám đốc) theo quy định tại Điều... Điều lệ này.

2. Có đơn xin từ chức.

3. Theo quyết định của Hội đồng thành viên.

4. .... (Các trường hợp khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành).

Điều 58. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro thuộc Ban Giám đốc (Ban Tổng giám đốc)

(Quy định tương tự các quy định tại Điều 41 của Điều lệ mẫu).

III. BAN KIỂM SOÁT

Điều 59. Số lượng thành viên, thành phần và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát do Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm/do Hội đồng thành viên bầu chọn. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu công ty/Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Số lượng thành viên, thành phần và nhiệm kỳ của Kiểm soát viên:..... (Quy định tương tự Điều 42 của Điều lệ mẫu).

3. Nội dung và cách thức phối hợp hoạt động của các Kiểm soát viên:..... (Do công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành).

Điều 60. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên

1. Đối với Công ty TNHH từ hai thành viên trở lên:

a. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ của mình;

b. Các quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát:..... (Do công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành, có thể tham khảo các quy định về ban kiểm soát của mô hình công ty cổ phần tại Điều lệ mẫu).

2. Đối với Công ty TNHH một thành viên:

a. Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Giám đốc (Tổng Giám đốc) trong tổ chức thực hiện quyền Chủ sở hữu, quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

b. Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình Chủ sở hữu công ty hoặc cơ quan Nhà nước có liên quan; trình Chủ sở hữu công ty báo cáo thẩm định;

c. Kiến nghị Chủ sở hữu công ty các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

d. Xem xét bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của Công ty tại trụ sở chính hoặc chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện. Thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng giám đốc) và người quản lý công ty có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về thực hiện quyền Chủ sở hữu, về quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên;

e. Tham dự và thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng thành viên và các cuộc họp khác trong Công ty;

f. Xây dựng quy trình kiểm soát để Hội đồng thành viên thông qua;

g. Trường hợp phát hiện thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng giám đốc) vi phạm pháp luật, Điều lệ công ty dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc khách hàng thì Ban Kiểm soát có trách nhiệm yêu cầu người có hành vi vi phạm giải trình trong thời hạn nhất định hoặc đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật, Ban Kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản cho UBCK trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm;

h. Các nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ công ty hoặc theo yêu cầu, quyết định của Chủ sở hữu công ty.

3. Nội dung và cách thức phối hợp hoạt động của các Kiểm soát viên:... (Do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành).

4. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Kiểm soát viên được hưởng thù lao và lợi ích khác cũng như phải thực hiện trách nhiệm của Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Điều 61. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát

(Quy định tương tự các quy định về Ban kiểm soát của mô hình công ty cổ phần tại Điều lệ mẫu)

Điều 62. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát

(Quy định tương tự các quy định về Ban kiểm soát của mô hình công ty cổ phần tại Điều lệ mẫu)

Điều 63. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

(Quy định tương tự các quy định về Ban kiểm soát của mô hình công ty cổ phần tại Điều lệ mẫu)

Lưu ý: Đối với công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, các quy định đối với Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Ban kiểm soát, Kiểm soát viên đồng thời phải phù hợp với các quy định tại Chương IV Luật Doanh nghiệp.

Chương IV
XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN

Điều 64. Các tranh chấp có thể xảy ra

1. Các trường hợp được xem là tranh chấp giữa Công ty với các đối tác liên quan khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại giữa:

a. Cổ đông/thành viên/Chủ sở hữu với Công ty;

b. Cổ đông/thành viên với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát/Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành hay người quản lý công ty;

c. Khách hàng hoặc các đối tác khác liên quan với Công ty.

2. Nội dung của tranh chấp cần giải quyết: Các tranh chấp có liên quan tới hoạt động của Công ty, tới quyền của các cổ đông/thành viên/Chủ sở hữu phát sinh từ Điều lệ hoặc từ bất cứ quyền và nghĩa vụ nào do Luật Doanh nghiệp hoặc các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định.

Điều 65. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp

1. Thương lượng và hòa giải: Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng thành viên sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp, trừ khi tranh chấp có liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng thành viên. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng thành viên, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Đưa ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế: Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Chi phí thương lượng, hòa giải và chi phí của Tòa án:

a. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải;

b. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 66. Các hợp đồng, giao dịch phải được chấp thuận

1. Đối với công ty cổ phần

a. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng giám đốc) và người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

-. ... (Do công ty quy định).

b. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn ....% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn... ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;

c. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất....% tổng số phiếu còn lại đồng ý;

d. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại điểm b, c khoản này, gây thiệt hại cho Công ty. Người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc (Tổng Giám đốc) có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

2. Đối với công ty TNHH từ hai thành viên trở lên

a. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng thành viên chấp thuận:

- Thành viên, người đại diện theo ủy quyền của thành viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người đại diện theo pháp luật của Công ty và người có liên quan của những đối tượng này;

- Người quản lý công ty mẹ, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ và người có liên quan của những đối tượng này.

b. Người ký kết hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho các thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó. Đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch dự định tiến hành. Hội đồng thành viên phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn... ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Trong trường hợp này, hợp đồng, giao dịch được chấp thuận nếu có sự đồng ý của số thành viên đại diện ít nhất 65% tổng số vốn có quyền biểu quyết. Thành viên có liên quan trong các hợp đồng, giao dịch không được biểu quyết.

c. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng quy định tại điểm a, b khoản này, gây thiệt hại cho Công ty. Người ký kết hợp đồng, giao dịch, thành viên có liên quan và người có liên quan của thành viên đó phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch được ký kết không đúng theo quy định hoặc gây thiệt hại cho Công ty.

3. Đối với công ty TNHH một thành viên

a. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) và Ban Kiểm soát xem xét quyết định:.... (Do công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành);

b. Người ký kết hợp đồng phải thông báo cho Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc (Ban Tổng giám đốc) và Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng giao dịch đó. Đồng thời gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung giao dịch đó;

c. Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và Kiểm soát viên phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn... ngày kể từ ngày nhận được thông báo theo nguyên tắc..., mỗi người có một phiếu biểu quyết; người có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;

d. Hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm a khoản này chỉ được chấp thuận khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Các bên ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch là những chủ thể pháp lý độc lập, có quyền, nghĩa vụ, tài sản và lợi ích riêng biệt;

- Giá sử dụng trong hợp đồng hoặc giao dịch là giá thị trường tại thời điểm hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được thực hiện;

- Chủ sở hữu công ty tuân thủ đúng nghĩa vụ của chủ sở hữu quy định tại Luật Doanh nghiệp.

e. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật nếu được giao kết không đúng quy định tại điểm a, b, c khoản này, gây thiệt hại cho Công ty. Người ký kết hợp đồng, giao dịch và người có liên quan là các bên của hợp đồng phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại phát sinh và hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 67. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

1. Nghĩa vụ công bố thông tin

a. Công ty phải thực hiện chế độ công bố thông tin, báo cáo định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền một cách đầy đủ, kịp thời. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu công bố, báo cáo;

b. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những cách thức nhằm đảm bảo cho cổ đông/thành viên và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng tại cùng một thời điểm. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây nhầm lẫn cho cổ đông/thành viên và công chúng đầu tư.

2. Nội dung công bố thông tin

a. Công ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và báo cáo khác theo quy định của pháp luật;

- Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra hoặc phát hiện sự kiện theo quy định của pháp luật;

- Công bố thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

b. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị của Công ty trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên hàng năm, trong báo cáo thường niên của Công ty.

3. Tổ chức công bố thông tin: Công ty thực hiện xây dựng và ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin đáp ứng yêu cầu sau:

a. Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;

b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông/thành viên có thể dễ dàng liên hệ;

c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông/thành viên, ghi nhận những ý kiến của cổ đông/thành viên và định kỳ công bố, giải đáp, trả lời những ý kiến đó và các vấn đề về quản trị công ty theo quy định.

4. Người công bố thông tin: Việc công bố thông tin phải do người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do Người được ủy quyền công bố.

Chương V
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN

Điều 68. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp năm tài chính đầu tiên của Công ty ít hơn bốn (04) tháng, Báo cáo tài chính của năm đó được kiểm toán gộp với Báo cáo của năm tài chính tiếp theo.

Điều 69. Hệ thống kế toán

1. Công ty sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

Điều 70. Kiểm toán

1. Báo cáo tài chính năm, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét theo đúng quy định.

2. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCK chấp thuận. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thảo thuận với Hội đồng quản trị. Trong cùng năm tài chính, công ty chứng khoán không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp công ty mẹ thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.

3. Sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng... ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Điều 71. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên quyết định mức chi trả cổ tức/lợi nhuận, thưởng và hình thức chi trả hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Đối với công ty TNHH một thành viên: Chủ sở hữu quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp cổ tức/lợi nhuận, thưởng hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở cổ đông/thành viên cung cấp.Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (Đối với công ty cổ phần).

4. Ngày chốt danh sách cổ đông/thành viên và ngày chi trả cổ tức, lợi nhuận, thưởng:

a. Đối với công ty cổ phần: Hội đồng quản trị quyết định ngày chốt danh sách cổ đông cụ thể và ngày chi trả cổ tức, thưởng theo phương án của Đại hội đồng cổ đông.

b. Đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên: Hội đồng thành viên quyết định ngày chốt danh sách thành viên và ngày phân chia lợi nhuận, chia thưởng.

Điều 72. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.

Điều 73. Trích lập các quỹ theo quy định

1. Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:

a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ;

b. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;

c. Quỹ khen thưởng, phúc lợi;

d. Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

2. Tỷ lệ trích lập, giới hạn trích lập và việc quản lý, sử dụng các quỹ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VI
GIA HẠN THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 74. Gia hạn thời hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng thành viên triệu tập họp Đại hội đồng

cổ đông/Hội đồng thành viên ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty để thông qua biểu quyết về việc gia hạn thời hạn hoạt động của Công ty.

2. Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ được gia hạn thêm khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên trên tổng số phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết/thành viên có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên thông qua.

Điều 75. Tổ chức lại công ty

1. Công ty thực hiện hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi sau khi được UBCK chấp thuận.

2. Trình tự, thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và pháp luật liên quan.

Điều 76. Giải thể

1. Công ty giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;

b. Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên/Chủ sở hữu quyết định giải thể Công ty trước thời hạn và được UBCK chấp thuận;

c. UBCK thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bị Tòa án tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không đang trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.

3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 77. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

Chương VII
SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 78. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên/Chủ sở hữu công ty xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong bản Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương VIII
HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

Điều 79. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm... Chương... Điều, được Chủ sở hữu/Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần chứng khoán/Công ty TNHH chứng khoán..... nhất trí thông qua ngày... tháng... năm... tại... và chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ.

2. Điều lệ này được lập thành... bản, có giá trị như nhau.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng thành viên/Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số Hội đồng quản trị mới có giá trị.

5. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày... tháng... năm....

6. Chữ ký của **CHỦ SỞ HỮU/THÀNH VIÊN SÁNG LẬP/CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY** (đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung điều lệ) (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu).

Phụ lục XXII
MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG THÁNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... (số công văn) V/v báo cáo hoạt động tháng.... năm.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Tình hình nhân sự và cổ đông của công ty chứng khoán

1. **Tình hình nhân sự:**

Đối tượng	Số lượng người làm việc đầu tháng	Số lượng người làm việc cuối tháng	Số lượng người có chứng chỉ hành nghề đầu tháng	Số lượng người có chứng chỉ hành nghề tăng/giảm trong tháng		Số lượng người có chứng chỉ hành nghề cuối tháng
				Tăng	Giảm	
A. Trụ sở chính 1. Ban Giám đốc: 2. Bộ phận môi giới: 3. Bộ phận tự doanh 4. Bộ phận bảo lãnh phát hành 5. Bộ phận tư vấn đầu tư						
B. Chi nhánh 1. Chi nhánh.... (tên chi nhánh): - Giám đốc chi nhánh - Bộ phận môi giới - Bộ phận tư vấn 2. Chi nhánh... (tên chi nhánh - Giám đốc chi nhánh - Bộ phận môi giới - Bộ phận tư vấn						

Đối tượng	Số lượng người làm việc đầu tháng	Số lượng người làm việc cuối tháng	Số lượng người có chứng chỉ hành nghề đầu tháng	Số lượng người có chứng chỉ hành nghề tăng/giảm trong tháng		Số lượng người có chứng chỉ hành nghề cuối tháng
				Tăng	Giảm	
C. Phòng giao dịch 1. Phòng giao dịch... (tên phòng giao dịch) 2. Phòng giao dịch... (tên phòng giao dịch)						
Bộ phận khác						
Tổng số						

2. Tình hình cổ đông/thành viên góp vốn nắm giữ từ 5% vốn điều lệ của công ty chứng khoán*

TT	Thông tin về cổ đông					Thông tin về tỷ lệ nắm giữ			
	Họ và tên (cá nhân)/ Tên công ty (pháp nhân)	Số giấy CMND/ số Giấy ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Quốc tịch	Đầu tháng		Cuối tháng	
						Số lượng cổ phần/ phần vốn góp	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ	Số lượng cổ phần/ phần vốn góp	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ
1	...								
2									

** Công ty chứng khoán một thành viên không phải báo cáo mục này.*

II. Mạng lưới hoạt động

1. Mạng lưới:

TT	Mạng lưới	Tên gọi	Địa điểm	Ghi chú
I	**Trong nước**			
1	Chi nhánh			
2	Phòng giao dịch			
3	Văn phòng đại diện			
II	**Ngoài nước**			
1	Chi nhánh			
2	Văn phòng đại diện			

2. Các thay đổi liên quan trong tháng:

TT	Thay đổi	Trụ sở chính	Chi nhánh	Phòng giao dịch	Văn phòng đại diện
1	Địa điểm				
2	Đóng cửa (theo số lượng)				
3	Lập mới (theo số lượng)				
4	Tên gọi (theo số lần)				
5	Người đại diện theo pháp luật hoặc người đứng đầu hoặc trưởng đại diện (theo số lần)				
6	Tạm ngừng hoạt động				
7	Thay đổi nghiệp vụ kinh doanh (số lần theo trụ sở chính, theo chi nhánh, theo phòng giao dịch)				

III. Tình hình hoạt động của công ty chứng khoán

1. Hoạt động môi giới chứng khoán

1.1. Môi giới chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch

a) Số lượng tài khoản

Loại khách hàng		Đầu tháng	Phát sinh trong tháng		Cuối tháng	Số lượng tài khoản có phát sinh giao dịch trong tháng
			Tăng	Giảm		
Trong nước	Cá nhân					
	Tổ chức					
Nước ngoài	Cá nhân					
	Tổ chức					
Tổng						

b) Số dư tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng

đơn vị: đồng

Loại khách hàng		Dư đầu tháng	Phát sinh trong tháng		Dư cuối tháng
			Tăng	Giảm	
Trong nước	Cá nhân				
	Tổ chức				
Nước ngoài	Cá nhân				
	Tổ chức				
Tổng					

c) Ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân

Loại khách hàng	Tổng số tài khoản ủy thác đầu tháng	Phát sinh trong tháng		Cuối tháng	Giá trị ủy thác (triệu đồng)	Phí ủy thác thu được trong tháng (đồng)
		Tăng	Giảm			
Trong nước						
Nước ngoài						
Tổng						

d) Tình hình giao dịch

TT	Loại chứng khoán	Tổng mua từ đầu năm		Tổng bán từ đầu năm		Mua trong tháng		Bán trong tháng		Tổng mua cuối kỳ		Tổng bán cuối kỳ	
		KL	GT (Triệu đồng)	KL	GT (Triệu đồng)	KL	GT (Triệu đồng)	KL	GT (Triệu đồng)	KL	GT (Triệu đồng)	KL	GT (Triệu đồng)
I	**Tổng cổ phiếu**												
	Trong nước												
	Nước ngoài												
II	**Tổng trái phiếu**												
	Trong nước												
	Nước ngoài												
III	**Tổng chứng chỉ quỹ**												
	Trong nước												
	Nước ngoài												
IV	**Tổng chứng khoán khác**												
	Trong nước												
	Nước ngoài												
	Tổng cộng (I+II+III+IV)												

1.2 Môi giới chứng khoán chưa niêm yết, đăng ký giao dịch

Chứng khoán	Thời gian thực hiện	Khối lượng	Giá trị (đồng)
1. Tổng cổ phiếu			
Công ty...			
2. Tổng trái phiếu			
.....			

Chứng khoán	Thời gian thực hiện	Khối lượng	Giá trị (đồng)
3. Tổng chứng chỉ quỹ			
.....			
4. Chứng khoán khác			
.....			
Tổng cộng:			

Ghi chú: báo cáo chi tiết theo từng tổ chức phát hành.

1.3 Tình hình giao dịch ký quỹ chứng khoán

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Đầu tháng	Cuối tháng
1	Số lượng tài khoản giao dịch ký quỹ		
2	Hạn mức tín dụng cho giao dịch ký quỹ		
3	Dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ		
4	Giá trị chứng khoán ký quỹ		
5	5 (năm) mã chứng khoán có số dư nợ lớn nhất		
6	Nguồn vốn tài trợ giao dịch ký quỹ		
	- Vốn chủ sở hữu		
	- Vốn vay Trong đó: + Vay từ các tổ chức tín dụng + Vay từ các tổ chức khác + Vay từ các cá nhân		
7	Doanh thu từ hoạt động giao dịch ký quỹ: - Tiền lãi - Phí giao dịch - Các khoản thu khác		

1.4 Tổng phí môi giới thu được:

TT	Phí môi giới	Giá trị (đồng)
1	Từ giao dịch chứng khoán tại Sở GDCK Tp.HCM	
2	Từ giao dịch chứng khoán tại Sở GDCK Hà Nội	
3	Từ giao dịch chứng khoán khác	
	Cộng	

2. Hoạt động tự doanh, đầu tư

2.1 Tình hình giao dịch chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch trên tài khoản tự doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

Loại CK	Tổng mua từ đầu năm		Tổng bán từ đầu năm		Mua trong tháng		Bán trong tháng		Tổng mua cuối kỳ		Tổng bán cuối kỳ	
	KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT
Cổ phiếu												
Trái phiếu												
CC quỹ												
Tổng												

2.2 Tình hình đầu tư ra nước ngoài, góp vốn vào công ty TNHH, dự án kinh doanh *(đối với các khoản đầu tư không hình thành chứng khoán)*

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên tổ chức nhận đầu tư	Giá trị đầu kỳ	Tăng/giảm trong kỳ	Giá trị cuối kỳ	Tổng số vốn góp (giá trị dự án) tại tổ chức nhận đầu tư	Tỷ lệ đầu tư
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)/(6)
I	**Trong nước**					
1	Công ty...					
2	....					
II	**Ngoài nước**					
1	Công ty... (ghi rõ quốc tịch)					
2	....					

Lưu ý: giá trị đầu tư ghi nhận theo giá hạch toán mà công ty chứng khoán lựa chọn.

2.3 Tình hình đầu tư, góp vốn mua bất động sản

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Địa chỉ bất động sản đầu tư/tên tổ chức góp vốn	Hình thức đầu tư, góp vốn	Giá trị đầu tư cuối kỳ*	Giá trị Tăng/giảm trong tháng	Mục đích đầu tư, góp vốn	Tỷ lệ giá trị đầu tư so với tổng tài sản
	(Liệt kê chi tiết...)					

*(*Giá trị góp vốn hoặc giá trị còn lại của bất động sản đầu tư)*

2.4 Tình hình nắm giữ chứng khoán

TT	Loại chứng khoán	Chứng khoán nắm giữ vào thời điểm báo cáo				Tổng số chứng khoán đang lưu hành của tổ chức phát hành vào thời điểm báo cáo	Tỷ lệ đầu tư (%)
		Số lượng	Tổng giá trị mua vào (triệu đồng)	Giá trị thị trường tại thời điểm báo cáo (triệu đồng)	Tỷ lệ tăng trưởng tài sản đầu tư (%)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)*100	(7)	(8)=(3)/(7)*100
A	**Chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch**						
I	***Cổ phiếu***						
1	A						
2	...						
II	***Chứng chỉ quỹ***						
1	A						
2	...						
III	***Trái phiếu***						
1	Trái phiếu Chính phủ và chính quyền địa phương						
	A						
	....						
2	Trái phiếu doanh nghiệp						
	A						
	....						
VI	***Chứng khoán phái sinh***						
1	A						
2	....						
V	***Chứng khoán khác***						
1	A						
2	....						
II	**Chứng khoán chưa niêm yết**						
I	***Cổ phiếu***						
1	A						
2	...						

TT	Loại chứng khoán	Chứng khoán nắm giữ vào thời điểm báo cáo				Tổng số chứng khoán đang lưu hành của tổ chức phát hành vào thời điểm báo cáo	Tỷ lệ đầu tư (%)
		Số lượng	Tổng giá trị mua vào (triệu đồng)	Giá trị thị trường tại thời điểm báo cáo (triệu đồng)	Tỷ lệ tăng trưởng tài sản đầu tư (%)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)*100	(7)	(8)=(3)/(7)*100
II	***Chứng chỉ quỹ***						
1	A						
2	...						
III	***Trái phiếu***						
1	Trái phiếu Chính phủ và chính quyền địa phương						
	A						
	....						
2	Trái phiếu doanh nghiệp						
	A						
	....						
VI	***Chứng khoán phái sinh***						
1	A						
2	....						
V	***Chứng khoán khác***						
1	A						
2	....						
	Tổng cộng:	**.....**	**.....**	**.....**		**.....**	**.....**

** Ghi chú:*

Cột (2) loại chứng khoán được ghi cụ thể theo mã chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch).

Cột (3) là các chứng khoán hiện CTCK đang nắm giữ, không bao gồm chứng khoán đang về tài khoản.

Cột (4) tính theo giá mua vào/giá góp vốn theo hợp đồng;

Cột (5) tính theo giá đóng cửa hoặc giá giao dịch bình quân tại thời điểm báo cáo hoặc giá trị hợp lý đối với chứng khoán chưa niêm yết, đăng ký giao dịch.

Đối với trái phiếu, không phải tính cột (7), (8).

Phải loại trừ chứng khoán nắm giữ thuộc các giao dịch kỳ hạn chứng khoán khỏi mục này.

2.5 Tình hình tuân thủ hạn chế đầu tư

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Giá trị đầu tư cuối kỳ	Vốn chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo	Tỷ lệ giá trị đầu tư so với tổng tài sản
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3)/(4)
1	Tổng giá trị đầu tư trái phiếu doanh nghiệp			
2	Tổng giá trị đầu tư vào cổ phiếu, phần vốn góp, dự án kinh doanh			
3	Tổng giá trị đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp, dự án kinh doanh			

(Giá trị đầu tư được tính theo giá trị hạch toán của Công ty)

3. Hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên tổ chức phát hành	Loại chứng khoán bảo lãnh	Hình thức bảo lãnh	Tổng giá trị bảo lãnh	Thời gian bảo lãnh (từ.... đến....)	Vốn chủ sở hữu*	Tổng giá trị vốn hoạt động ròng**	Phí bảo lãnh thu được (dự thu)
	....							

** Vốn chủ sở hữu, tài sản ngắn hạn, nợ ngắn hạn của công ty chứng khoán theo báo cáo tài chính quý gần nhất với thời điểm ký hợp đồng bảo lãnh*

*** Tổng giá trị vốn hoạt động ròng = (tài sản ngắn hạn - nợ ngắn hạn) x 15*

4. Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính

Loại tư vấn	Số hợp đồng đã ký đầu tháng	Số hợp đồng đã thanh lý trong tháng	Số hợp đồng ký mới trong tháng	Số hợp đồng còn hiệu lực cuối tháng	Phí thu được trong tháng (đồng)
I. Tư vấn đầu tư chứng khoán					
II. Tư vấn tài chính					
1. Tư vấn...					
2. Tư vấn...					
3. Tư vấn...					
Cộng					

Loại tư vấn	Số hợp đồng đã ký đầu tháng	Số hợp đồng đã thanh lý trong tháng	Số hợp đồng ký mới trong tháng	Số hợp đồng còn hiệu lực cuối tháng	Phí thu được trong tháng (đồng)
III. Dịch vụ khác					
1.....					
2.....					
Cộng					
Tổng cộng					

IV. Tình hình tài chính:

1. Tóm tắt trạng thái tài sản

Tài sản	Đầu tháng	Cuối tháng	Nguồn vốn	Đầu tháng	Cuối tháng
A. Tài sản ngắn hạn			**A. Nợ phải trả**		
I. Tiền và các khoản tương đương tiền			I. Nợ ngắn hạn - Vay ngắn hạn - Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán - Phải trả ngắn hạn khác		
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn - Đầu tư ngắn hạn: - Dự phòng đầu tư ngắn hạn:			II. Nợ dài hạn - Nợ dài hạn - Phải trả dài hạn		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn - Phải thu ngắn hạn có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày - Phải thu ngắn hạn có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống - Dự phòng các khoản phải thu			IV. Vốn chủ sở hữu - Vốn đầu tư của chủ sở hữu - Thặng dư vốn cổ phần - Cổ phiếu quỹ - Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính - Lợi nhuận chưa phân phối		

Tài sản	Đầu tháng	Cuối tháng	Nguồn vốn	Đầu tháng	Cuối tháng
V. Hàng tồn kho					
VI. Tài sản ngắn hạn khác					
B. Tài sản dài hạn					
I. Các khoản phải thu dài hạn					
II. Tài sản cố định					
III. Bất động sản đầu tư					
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn - Đầu tư vào công ty con - Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết - Đầu tư tài chính dài hạn - Đầu tư dài hạn khác - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn					
V. Tài sản dài hạn khác					
Tổng tài sản			**Tổng nguồn vốn**		

2. Nguồn vốn sử dụng ngoài vốn chủ sở hữu

TT	Tên đối tượng cấp vốn	Giá trị vốn tài trợ (triệu đồng)	Phương thức cấp vốn (phát hành trái phiếu, hợp đồng tín dụng...) (Ghi cụ thể)
	I. Tổ chức tín dụng		
1			
2			
	II. Tổ chức, cá nhân khác		
1			
2			

3. Kết quả kinh doanh

STT	Khoản mục	Trong tháng	Lũy kế trong năm
1	Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh		
2	Tổng chi phí: - Chi phí cho hoạt động kinh doanh - Chi phí quản lý doanh nghiệp		
3	Lợi nhuận trước thuế		

V. Các vướng mắc phát sinh và kiến nghị:

NGƯỜI LẬP	KIỂM SOÁT NỘI BỘ	(TỔNG) GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Phụ lục XXIII
MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... (số công văn) V/v báo cáo hoạt động kinh doanh năm...	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Tổ chức và nhân sự công ty trong năm

1. Tổ chức công ty:

a) Mạng lưới:

TT	Mạng lưới	Tên gọi	Địa chỉ
1	Trụ sở chính		
2	Chi nhánh - Chi nhánh 1: - Chi nhánh 2: - .....:		
3	Phòng giao dịch: - Phòng giao dịch 1 - Phòng giao dịch 2 - Phòng giao dịch ...		
4	Văn phòng đại diện - Văn phòng đại diện 1 - Văn phòng đại diện....		
5	Chi nhánh tại nước ngoài - Chi nhánh 1: - Chi nhánh 2:		
6	Văn phòng đại diện tại nước ngoài - Văn phòng đại diện 1 - Văn phòng đại diện....		

Ghi chú: thông tin của bảng trên là thông tin tại thời điểm báo cáo

b) Các thay đổi về tổ chức liên quan trong năm:

- Triển khai mở hoặc đóng các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện trong và ngoài nước (*Liệt kê chi tiết*);

- Thay đổi địa điểm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện (*Liệt kê chi tiết*);

- Thay đổi tên gọi, nghiệp vụ Công ty, chi nhánh, phòng giao dịch (*Liệt kê chi tiết*);

- Thực hiện chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi công ty.

2. Tình hình nhân sự công ty

a) Tình hình nhân sự quản lý:

Đối tượng	**Họ và tên/ Chức danh đầu kỳ**	**Họ và tên/ Chức danh cuối kỳ**	**Ngày thay đổi**	**Lý do thay đổi**
Thành viên HĐQT/HĐTV/ Chủ tịch công ty				
Thành viên Ban giám đốc				
Thành viên Ban kiểm soát				

b) Về người làm việc trong công ty:

Đối tượng *(Liệt kê đầy đủ họ tên đối với người có CCHN tại thời điểm cuối kỳ)*	**Số lượng người có CCHN/tổng số người làm việc tại thời điểm đầu năm**	**Số lượng người có CCHN thôi làm việc cho công ty trong năm**	**Số lượng người có CCHN tuyển mới trong năm**	**Số lượng người có CCHN/ tổng số người làm việc tại thời điểm cuối năm**	**Số CCHN của người có CCHN cuối năm**
Ban Giám đốc					
Bộ phận môi giới					
Bộ phận tự doanh					
Bộ phận bảo lãnh phát hành					
Bộ phận tư vấn đầu tư chứng khoán					
Bộ phận khác					
Tổng số					

** Ghi chú: số liệu của bảng này là số liệu của toàn công ty (bao gồm tất cả các địa điểm kinh doanh của công ty).*

II. Tỷ lệ sở hữu của cổ đông/thành viên góp vốn nắm giữ từ 5% vốn điều lệ của công ty chứng khoán*

TT	**Họ và tên** (cá nhân)/ **Tên công ty** (pháp nhân)	**Số giấy CMND/số Giấy CNĐKKD**	**Ngày cấp**	**Số lượng cổ phần/phần vốn góp**	**Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ**	**Tăng/ giảm**

** Công ty chứng khoán một thành viên không phải báo cáo mục này.*

III. Vốn điều lệ và các chỉ tiêu an toàn tài chính trong năm báo cáo

1. Báo cáo cụ thể về các đợt tăng, giảm vốn điều lệ trong năm.
2. Báo cáo về tình hình đảm bảo tỷ lệ vốn khả dụng trong năm.
3. Báo cáo về tình hình thay đổi nắm giữ cổ phiếu quỹ trong năm.
4. Các chỉ tiêu an toàn tài chính khác.

IV. Cơ sở vật chất trong năm báo cáo

Báo cáo cụ thể những thay đổi nâng cấp về cơ sở vật chất kỹ thuật trong năm bao gồm:

- Mở rộng diện tích trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch (Liệt kê chi tiết);
- Đầu tư nâng cấp hệ thống máy móc thuộc phần cứng (Giá trị đầu tư);
- Đầu tư nâng cấp phần mềm cho các hệ thống (Giá trị đầu tư);
- Đầu tư kho két cho lưu trữ hồ sơ, chứng từ (Giá trị đầu tư);
- Các đầu tư cơ sở vật chất khác.

V. Hoạt động của công ty chứng khoán trong năm báo cáo

1. Hoạt động môi giới chứng khoán

1.1. Số lượng tài khoản và số dư tiền gửi

a) Số lượng tài khoản:

Loại khách hàng		**Đầu năm**	**Phát sinh trong năm**		**Cuối năm**	**Số lượng tài khoản có giao dịch trong năm**
			Tăng	**Giảm**		
Trong nước	Cá nhân					
	Tổ chức					
Nước ngoài	Cá nhân					
	Tổ chức					
Tổng						

b) Số dư tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng:

Đơn vị: triệu đồng

Loại khách hàng		Dư đầu năm	Phát sinh trong năm	Dư cuối năm
Trong nước	Cá nhân			
	Tổ chức			
Nước ngoài	Cá nhân			
	Tổ chức			
Tổng				

1.2. Ủy thác giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân

Loại khách hàng	Đầu năm	Phát sinh trong năm		Cuối năm	Giá trị ủy thác (triệu đồng)	Phí ủy thác thu được trong năm (đồng)
		Tăng	Giảm			
Trong nước						
Nước ngoài						
Tổng						

1.3. Tình hình giao dịch chứng khoán trong năm

a) Tình hình giao dịch chứng khoán niêm yết

Đơn vị tính: triệu đồng

Chứng khoán	Tổng khối lượng chứng khoán mua trong năm	Tổng khối lượng chứng khoán bán trong năm	Tổng giá trị mua trong năm	Tổng giá trị bán trong năm
1. Cổ phiếu				
Trong nước				
Nước ngoài				
2. Trái phiếu				
Trong nước				
Nước ngoài				
3. Chứng chỉ quỹ				
Trong nước				
Nước ngoài				
4. Chứng khoán khác				
Trong nước				
Nước ngoài				
Tổng:				

b) Môi giới chứng khoán chưa niêm yết

Đơn vị tính: triệu đồng

Chứng khoán	Tổng khối lượng chứng khoán mua trong năm	Tổng khối lượng chứng khoán bán trong năm	Tổng giá trị mua trong năm	Tổng giá trị bán trong năm
1. Cổ phiếu				
2. Trái phiếu				
3. Chứng chỉ quỹ				
4. Chứng khoán khác				
Tổng:				

1.4. Tổng phí môi giới thu được trong năm hoạt động:

TT	Phí môi giới	Giá trị (đồng)
1	Từ giao dịch chứng khoán tại Sở GDCK Tp.HCM	
2	Từ giao dịch chứng khoán tại Sở GDCK Tp.Hà Nội	
3	Từ giao dịch chứng khoán khác:	
	Cộng	

1.5. Tình hình sửa lỗi giao dịch môi giới:

- Tổng số lỗi giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh và tình hình khắc phục lỗi;

- Tổng số lỗi giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và tình hình khắc phục lỗi.

2. Hoạt động tự doanh, đầu tư

a) Tình hình giao dịch chứng khoán

Đơn vị tính: Triệu đồng

Loại CK	Số dư đầu năm		Tổng mua trong năm		Tổng bán trong năm		Dư cuối năm	
	KL	GT	KL	GT	GT	KL	KL	GT
CK niêm yết								
1. Cổ phiếu								
2. Trái phiếu								
3. CCQ								
4. CK phái sinh								
5. CK khác								

Loại CK	Số dư đầu năm		Tổng mua trong năm		Tổng bán trong năm		Dư cuối năm	
	KL	GT	KL	GT	GT	KL	KL	GT
CK chưa niêm yết								
1. Cổ phiếu								
2. Trái phiếu								
3. CCQ								
4. CK phái sinh								
5. CK khác								
Tổng								

** Giá trị tính theo giá giao dịch.*

b. Tình hình đầu tư ra nước ngoài, góp vốn vào công ty TNHH, dự án kinh doanh *(đối với các khoản đầu tư không hình thành chứng khoán)*

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên tổ chức nhận đầu tư	Giá trị đầu kỳ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị cuối kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	**Trong nước**				
1	Công ty...				
2	....				
II	**Ngoài nước**				
1	Công ty... (ghi rõ quốc tịch)				
2	....				

Lưu ý: giá trị đầu tư ghi nhận theo giá hạch toán mà công ty chứng khoán lựa chọn.

c. Tình hình đầu tư, góp vốn mua bất động sản

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Địa chỉ bất động sản đầu tư/tên tổ chức góp vốn	Hình thức đầu tư, góp vốn	Giá trị đầu tư đầu kỳ*	Giá trị tăng trong năm	Giá trị giảm trong năm	Giá trị cuối kỳ
	(Liệt kê chi tiết...)					

4. Hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán

TT	Tên tổ chức phát hành	Loại chứng khoán bảo lãnh	Hình thức bảo lãnh	Khối lượng bảo lãnh	Giá bảo lãnh	Tổng giá trị bảo lãnh	Thời gian bảo lãnh (từ.... đến....)	Phí bảo lãnh
	....							

5. Các hoạt động tư vấn và các hoạt động khác

Loại hoạt động	Số hợp đồng đã ký đầu năm	Số hợp đồng đã thanh lý trong năm	Số hợp đồng ký mới trong năm	Số hợp đồng còn hiệu lực cuối năm	Phí thu được trong năm (đồng)
I. Tư vấn đầu tư chứng khoán					
II. Tư vấn tài chính					
1. Tư vấn.....					
2. Tư vấn.....					
III. Dịch vụ khác:					
1.					
2.					

VI. Báo cáo hoạt động giám sát tuân thủ

TT	Nội dung báo cáo	Số lần vi phạm trong năm	Hình thức xử lý	Ghi chú
I	**Vi phạm quy định về số lượng người hành nghề chứng khoán**			
II	**Về tài chính**			
1	Không tuân thủ hạn mức vay			
2	Không tuân thủ hạn chế đầu tư			
III	**Vi phạm chế độ công bố thông tin**			
1	Chậm công bố thông tin			
2	Không công bố thông tin			
IV	**Vi phạm chế độ báo cáo**			
1	Nộp chậm báo cáo			
2	Không nộp báo cáo			
V	**Về hoạt động giám sát tuân thủ**			
1	Thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật			

TT	Nội dung báo cáo	Số lần vi phạm trong năm	Hình thức xử lý	Ghi chú
2	Thực hiện các văn bản của UBCKNN			
3	Thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, hội đồng thành viên, Chủ sở hữu			
4	Thực hiện Nghị quyết Hội đồng quản trị, Chủ tịch hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty			
5	Thực hiện các Quyết định của Giám đốc/Tổng Giám đốc			
6	Thực hiện Hợp đồng ký kết với các đối tác			

VII. Chỉ tiêu an toàn tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị	Tỷ lệ
1	Vốn điều lệ (đồng)		(2)/(1)*100
2	Lãi (Lỗ) lũy kế (đồng)		
3	Tài sản cố định (đồng)		(3)/(10)*100
4	Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)		(4)/(5)*100
5	Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)		
6	Tổng nợ (đồng)		(6)/(7)
7	Vốn chủ sở hữu (đồng)		
8	Nợ ngắn hạn (đồng)		(8)/(9)
9	Tài sản ngắn hạn (đồng)		
10	Tỷ lệ vốn khả dụng (%)		
11	Tổng tài sản		

VIII. Kiến nghị với các cơ quan quản lý

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO	KIỂM SOÁT	(TỔNG) GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*